TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯ PƯH** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/DS-ST
Ngày 31/10/2022
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PƯH, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Ngọc Trung
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Chu Xuân Toàn
2. Ông Lê Quốc Tịnh

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Trí, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2022, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 200/2021/TLST- DS ngày 15 tháng 10 năm 2021 về *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXXST - DS ngày 23 tháng 9 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2022/QĐST-DS ngày 14/10/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần *(TMCP)* Công thương Việt Nam
Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh B - Chủ tịch HĐQT
Địa chỉ: 108 Trần Hưng Đạo, thành phố HN
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Công T – Phó giám đốc Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai
Địa chỉ: 01 Trần Hưng Đạo, thành phố P, tỉnh Gia Lai *(Theo văn bản uỷ quyền số 266/UQ-HĐQT-NHCT18, ngày 16/3/2020).*
Người được uỷ quyền lại tham gia tố tụng: Ông Trần Văn P – Trưởng phòng giao dịch Chư Pưh – Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai.
Bị đơn: Bà Vi Thị B1, sinh năm 1983
Địa chỉ: Thôn Tung Mo B, xã ID, huyện CP, tỉnh Gia Lai
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phan Hữu H, sinh năm 1938
Địa chỉ: Thôn Tung Mo B, xã ID, huyện CP, tỉnh Gia Lai

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/5/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam *(Sau đây gọi tắt là Ngân hàng)* trình bày:

Theo hợp đồng cho vay số 655/2017-HĐCV/NHCT500 ngày 29/5/2017, thì Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai cho bà Vi Thị B1 vay số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày rút vốn *(Từ ngày 29/5/2017 đến 29/5/2028)*, ngày giải ngân là ngày 29/5/2017, mục đích vay để trồng mới và chăm sóc tiêu, chăn nuôi dê. Lãi suất cho vay trong hạn là 10,8%/năm *(Áp dụng lãi xuất ưu đãi 06 tháng đầu tiên với mức 8,5%/năm)*, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, tiền lãi pH trả hàng tháng vào ngày 05 của tháng.

Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 592/2016/HĐTC ngày 18/5/2016, công chứng ngày 18/5/2016 tại Văn phòng Công chứng Chư Pưh. Để đảm bảo cho khoản vay nói trên, ông Phan Hữu H và bà Vi Thị B1 đã thế chấp cho Ngân hàng những tài sản sau:

Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất đối với các thửa đất số 39, tờ bản đồ số 31, tại thôn Tung Mo B, xã ID, huyện CP, tỉnh Gia Lai, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 838406 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 07/4/2015.

Sau khi ký kết hợp đồng cho vay số 655/2017-HĐCV/NHCT500 ngày 29/5/2017, ngân hàng đã giải ngân tiền vay cho bà B1 theo đúng thoả thuận. Quá trình thực hiện hợp đồng bà B1 đã trả lãi cho Ngân hàng với số tiền là 17.222.000 đồng, sau đó không thực hiện việc trả lãi và gốc cho Ngân hàng. Từ ngày 07/5/2018 đến nay, bà B1 không thanh toán lãi và gốc theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản nợ nói trên thành nợ quá hạn tính từ ngày 29/5/2018 đến nay. Ngân hàng đã nhiều lần mời bà đến làm việc, đề nghị thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng không đạt kết quả. Tính đến thời điểm xét xử vụ án, bà Vi Thị B1 còn nợ ngân hàng tổng số tiền là 327.386.245 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chư Pưh giải quyết buộc bà Vi Thị B1 và ông Phan Hữu H pH có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam thông qua Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai tiền nợ gốc, lãi tính đến ngày 31/10/2022 và chi phí khác cụ thể như sau:

Nợ gốc và lãi pH trả là 327.386.245 đồng. Trong đó, nợ gốc là 200.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 85.300.586 đồng; tiền lãi quá hạn là 42.085.659 đồng; chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền 3.000.000 đồng. *(Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi chậm thi hành án đối với khoản tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và lãi xuất phạt chậm trả lãi tối đa bằng 10%/ năm trên tổng số nợ lãi mà các bên đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng)*.

Trong trường hợp bà B1, ông H không thanh toán toàn bộ số nợ gốc, lãi và các chi phí khác như đã nêu trên, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý, phát mãi tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 592/2016/HĐTC ngày 18/5/2016, đã được các bên ký kết để thu hồi nợ.

Đối với bị đơn bà Vi Thị B1: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo và niêm yết đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn bà Vi Thị B1 đều vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án giải quyết vụ án theo quy định

của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã triệu tập hợp lệ để bà B1 đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bà tiếp tục vắng mặt, không có lời khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì để Hội đồng xét xử xem xét.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Hữu H: Ông thừa nhận đúng là bà Vi Thị B1 có vay và nợ Ngân hàng số tiền gốc là 200.000.000 đồng. Sau khi vay tiền về đầu tư làm ăn do tiêu bị chết nên không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng. Ông thừa nhận tại thời điểm vay số tiền trên ông và bà B1 là vợ chồng hợp pháp, mục đích vay để làm kinh tế gia đình nên đây là khoản nợ chung của ông và bà B1. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện miễn giảm lãi hoặc có cơ chế khoanh nợ để ông có điều kiện trả nợ cho Ngân hàng. Hiện tại và B1 đã bỏ nhà đi nên ông sẽ có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng.

Qua buổi xem xét thẩm định tại chỗ vào ngày 23/12/2021, Tòa án nhân dân huyện Chư Pưh xác định như sau: Tại thời điểm xem xét, thẩm định tại chỗ thì quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất 39, tờ bản đồ số 31, tại thôn Tung Mo B, xã ID, huyện CP, tỉnh Gia Lai, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 838406 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 07/4/2015, chưa có phát sinh việc tranh chấp với bên thứ ba.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai như sau:

Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan và người tiến hành tố tụng: Đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy có một số vi phạm nhưng không làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Về việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án và cung cấp đầy đủ chứng cứ đảm bảo theo đúng quy định. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do; Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về phần nội dung: Căn cứ các Điều 280, 463, 465, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 156, 157, 158 Bộ luật Tố tụng dân sự: Buộc bị đơn bà Vi Thị B1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có nghĩa vụ liên quan ông Phan Hữu H có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam thông qua Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai tổng số tiền tính đến ngày 31/10/2022 là 327.386.245 đồng. Trong đó, nợ gốc là 200.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 85.300.586 đồng; tiền lãi quá hạn là 42.085.659 đồng. Trường hợp bà B1, ông H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Buộc bà B1 và ông H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật. Do ông H là người cao tuổi, tại phiên tòa có đơn xin miễn chịu tiền án phí nên đề nghị HĐXX xem xét miễn phần án phí mà ông H pH chịu, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai giải quyết Tranh chấp Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng với bị đơn bà Vi Thị B1 có địa chỉ tại thôn Tung Mo B, xã ID, huyện CP, tỉnh Gia Lai, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Vi Thị B1 vắng mặt đến lần thứ hai không vì trở ngại khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Theo hợp đồng cho vay số 655/2017-HĐCV/NHCT500-VTB ngày 29/5/2017, thì Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai cho bà Vi Thị B1 vay số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày rút vốn *(Từ ngày 29/5/2017 đến 29/5/2018)*, ngày giải ngân là ngày 29/5/2017, mục đích vay để trồng mới và chăm sóc tiêu, chăn nuôi dê thịt. Lãi suất cho vay trong hạn là 10,8%/năm *(Áp dụng lãi xuất ưu đãi 06 tháng đầu tiên với mức 8,5%/năm),* lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, tiền lãi pH trả hàng tháng vào ngày 05 của tháng.

Ngân hàng đã giải ngân tiền vay cho bà B1 theo đúng thỏa thuận. Quá trình thực hiện hợp đồng bà B1 đã trả lãi cho Ngân hàng số tiền 17.222.000 đồng tiền lãi, sau đó không thực hiện việc trả lãi và gốc cho Ngân hàng theo thoả thuận trong hợp đồng tín dụng Tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm, bà B1 còn nợ Ngân hàng tổng cộng là 327.386.245 đồng. Trong đó, nợ gốc là 200.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 85.300.586 đồng; tiền lãi quá hạn là 42.085.659 đồng. Từ ngày 07/5/2018 đến nay, bà B1 không thanh toán lãi và gốc theo như thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng mà các bên đã kí kết. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền nợ lãi, nợ gốc nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản nợ trên sang nợ quá hạn kể từ ngày 29/5/2018. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc và thông báo chuyển nợ quá hạn, yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bà B1 không thanh toán nợ. Như vậy, bà B1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định tại khoản 1 Điều 466, khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự.

Nợ gốc và lãi pH trả là 327.386.245 đồng. Trong đó, nợ gốc là 200.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 85.300.586 đồng; tiền lãi quá hạn là 42.085.659 đồng.

Lãi suất được tính theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng là phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng.

Xét thấy, tại thời điểm giao kết hợp đồng tín dụng bà Vi Thị B1 và ông Phan Hữu H là vợ chồng hợp pháp, mục đích vay tiền để làm kinh tế gia đình. Do vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Vi Thị B1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Hữa H pH liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam thông qua Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 31/10/2022 tổng cộng là 327.386.245 đồng. Trong đó, nợ gốc là 200.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 85.300.586 đồng; tiền lãi quá hạn là 42.085.659 đồng.

[3]. Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn trong trường hợp bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi cho nguyên đơn:

Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 592/HĐTC ngày 18/5/2016, để bảo đảm cho khoản vay trên bà Vi Thị B1 và ông Phan Hữu H đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam những tài sản cụ thể như sau:

Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 39, tờ bản đồ số 31, tại thôn Tung Mo B, xã ID, huyện CP, tỉnh Gia Lai, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 838406 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 07/4/2015

Qua buổi xem xét thẩm định tại chỗ vào ngày 23/12/2021, Tòa án nhân dân huyện Chư Pưh xác định như sau: Tại thời điểm xem xét, thẩm định tại chỗ thì quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất 39, tờ bản đồ số 31, tại thôn Tung Mo B, xã ID, huyện CP, tỉnh Gia Lai, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 838406 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 07/4/2015, chưa có phát sinh việc tranh chấp với bên thứ ba.

Xét thấy, hình thức và nội dung của Hợp đồng thế chấp phù hợp với quy định tại các Điều 292, 293, 295, 298, 317, 318 và Điều 319 Bộ luật Dân sự nên có hiệu lực pháp luật.

Bên thế chấp dùng tài sản thế chấp để đảm bảo cho các khoản nợ gốc, lãi và tất cả các nghĩa vụ liên quan khác. Theo quy định tại khoản 6 Điều 320 và khoản 1 Điều 299 của Bộ luật Dân sự thì trong trường hợp đến hạn thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm mà bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì bên thế chấp pH giao tài sản thế chấp để xử lý. Vì vậy, yêu cầu của Ngân hàng đề nghị xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại hợp đồng tín dụng nêu trên để thu hồi nợ khi bà B1, ông H không trả hết nợ cho Ngân hàng là có căn cứ, đúng pháp luật nên được chấp nhận.

[4]. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng, bà Vi Thị B1 và ông Phan Hữu H phải liên đới chịu. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí này nên cần buộc bà B1, ông H phải có nghĩa vụ thanh toán lại 3.000.000 đồng cho nguyên đơn là phù hợp với các Điều 156, 157 và Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5]. Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn. Do ông H là người trên 80 tuổi và có đơn đề nghị miễn giảm án phí theo đúng quy định của pháp luật. Việc ông đề nghị miễn tiền án phí là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 156, Điều 157, Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 292, 293, 295, 298, 299, 317, 318, 319, 320, 322, 357, 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng các Điều 90, 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bị đơn bà Vi Thị Vình và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Hữu H có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam thông qua Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 31/10/2022 tổng cộng là 327.386.245 đồng *(Ba trăm hai mươi bảy triệu, ba trăm tám mươi sáu ngàn, hai trăm bốn mươi lăm đồng)*. Trong đó, nợ gốc là 200.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 85.300.586 đồng; tiền lãi quá hạn là 42.085.659 đồng.

"*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn pH tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này''. (Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay)*.

2. Trường hợp bà Vi Thị B1 và ông Phan Hữu H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đầy đủ gốc và lãi cho nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý, phát mãi tài sản thế chấp mà bà B1 và ông H đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 592/2016/HĐTC ngày 18/5/2016, đã được các bên ký kết để thu hồi nợ.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc Buộc bà Vi Thị B1 và ông Phan Hữu H có nghĩa vụ liên đới thanh toán lại chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền 3.000.000 đồng cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam thông qua Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai.

4. Về án phí: Buộc bà Vi Thị B1 và ông Phan Hữu H pH liên đới chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là **16.369.312 đồng** *(Mười sáu triệu, ba trăm sáu mươi chín ngàn, ba trăm mười hai đồng); (327.386.245 x 5% = 16.369.312 đồng)* để sung vào công quỹ Nhà nước.

Do ông H là người trên 80 tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí theo đúng quy định nên miễn phần án phí mà ông H phải chịu là 8.184.656 đồng. Số tiền án phí còn lại bà B1 và ông H phải liên đới chịu là 16.369.312 : 2 = 8.184.656 đồng.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam thông qua Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.160.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005629 ngày 12/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình. Những người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

6. *Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Chư Pưh;
- Các đương sự;
- Thi hành án DS huyện Chư Pưh;
- Lưu TA, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đặng Ngọc Trung